

Đề kiểm tra cuối học kỳ II (Đề 1)

Thời gian: 60 phút

A. Kiểm tra Đọc (10đ)

I. Đọc thành tiếng: (3 điểm)

Nội dung kiểm tra: Gồm các bài tập đọc từ tuần 29 đến tuần 33, giáo viên ghi tên bài, số trang vào phiếu, gọi học sinh lên bốc thăm và đọc thành tiếng. mỗi học sinh đọc 1 đoạn (trong bài bốc thăm được sau đó trả lời 1 câu hỏi về nội dung đoạn đọc do giáo viên nêu.

II. Đọc hiểu: (7 điểm):

Đọc thầm bài văn sau:

Công việc đầu tiên

Một hôm, anh Ba Chấn gọi tôi vào trong buồng đúng cái nơi anh giao việc cho ba tôi ngày trước. Anh lấy từ mái nhà xuống bó giấy lớn, rồi hỏi tôi:

- Út có dám rải truyền đơn không?

Tôi vừa mừng vừa lo, nói :

- Được, nhưng rải thế nào anh phải chỉ vẽ, em mới làm được chứ!

Anh Ba cười, rồi dặn dò tôi tỉ mỉ. Cuối cùng, anh nhắc:

- Rủi địch nó bắt em tận tay thì em một mực nói rằng có một anh bảo đây là giấy quảng cáo thuốc. Em không biết chữ nên không biết giấy gì.

Nhận công việc vinh dự đầu tiên này, tôi thấy trong người cứ bồn chồn, thấp thỏm. Đêm đó, tôi ngủ không yên, lục đục dậy từ nửa đêm, ngồi nghĩ cách giấu truyền đơn. Khoảng ba giờ sáng, tôi giả đi bán cá như mọi hôm. Tay tôi bê rổ cá, còn bó truyền đơn thì giắt trên lưng quần. Tôi rảo bước và truyền đơn cứ từ từ rơi xuống đất. Gần tới chợ thì vừa hết, trời cũng vừa sáng tỏ.

Độ tám giờ, nhân dân xì xào ầm lên: “Cộng sản rải giấy nhiều quá!”

Mấy tên lính mã tà hốt hải xách súng chạy rầm rầm.

Về đến nhà, tôi khoe ngay kết quả với anh Ba. Anh tôi khen:

- Út khá lắm, cứ làm như vậy rồi quen, em ạ!

Lần sau, anh tôi lại giao rải truyền đơn tại chợ Mỹ Lồng. Tôi cũng hoàn thành. Làm được một vài việc, tôi bắt đầu ham hoạt động. Tôi tâm sự với anh Ba:

- Em chỉ muốn làm thật nhiều việc cho Cách mạng. Anh cho em thoát li hẳn nghe anh!

Theo Hồi ký của bà Nguyễn Thị Định

Dựa vào nội dung bài đọc, khoanh tròn vào câu trả lời đúng và hoàn thành bài tập sau:

Câu 1: (0,5 điểm): Công việc đầu tiên anh Ba giao cho chị Út là gì? Viết câu trả lời của em:.....

Câu 2: (0,5 điểm): Anh Ba Chấn hỏi : Út có dám rải truyền đơn không? Chị Út nói:

- a. Được
- b. Mừng
- c. Lo
- d. Không

Câu 3: (0,5 điểm): Những chi tiết nào cho thấy chị Út rất hồi hộp khi nhận công việc đầu tiên?

- a. Chị bồn chồn, thấp thỏm, ngủ không yên, dậy từ nửa đêm, ngồi nghĩ cách giấu truyền đơn.
- b. Chị dậy từ nửa đêm, ngồi nghĩ cách giấu truyền đơn.
- c. Đêm đó chị ngủ yên, trong giấc ngủ chị nghĩ cách giấu truyền đơn.
- d. Suốt đêm chị không ngủ, ngồi nghĩ cách giấu truyền đơn.

Câu 4: (0,5 điểm): Chị Út đã nghĩ ra cách gì để rải hết truyền đơn?

- a. Chị ngủ không yên, dậy từ nửa đêm, ngồi nghĩ cách giấu truyền đơn.

b. Chị giả đi bán cá như mọi hôm. Tay bê rô cá và bó truyền đơn thì giắt trên lưng quần. Chị rảo bước, truyền đơn cứ từ từ rơi xuống đất.

c. Tay bê rô cá và bó truyền đơn thì giắt trên lưng quần.

d. Chị rảo bước, truyền đơn cứ từ từ rơi xuống đất.

Câu 5:(1 điểm): Vì sao chị Út muốn được thoát li?

a. Vì Chị Út yêu nước, yêu nhân dân.

b. Vì Chị Út yêu nước, ham hoạt động, muốn làm thật nhiều việc cho Cách mạng.

c. Vì chị muốn rời khỏi gia đình.

d. Vì chị muốn rải truyền đơn.

Câu 6: (1 điểm): Nội dung của bài văn trên là gì?

Câu 7: (0,5điểm): Câu: “ Út có dám rải truyền đơn không?” thuộc kiểu câu gì?

a. Câu hỏi

b. Câu cầu khiến

c. Câu cảm

d. Câu kể

Câu 8: (0,5 điểm): Dấu phẩy trong câu: “ Lần sau, anh tôi lại giao rải truyền đơn tại chợ Mỹ Lồng” có tác dụng gì?

a. Ngăn cách các vế câu trong câu ghép.

b. Ngăn cách trạng ngữ với chủ ngữ và vị ngữ trong câu.

c. Ngăn cách các từ cùng làm vị ngữ.

d. Ngăn cách các từ cùng làm chủ ngữ.

Câu 9: (1điểm): Bác Hồ đã khen tặng phụ nữ Việt Nam tám chữ vàng, em hãy cho biết tám chữ đó là gì?

Câu 10: (1điểm): Điền các từ trong ngoặc đơn thích hợp vào chỗ chấm (đất nước, ngày mai)

Trẻ em là tương lai của.....Trẻ em hôm nay, thế giới

B. Kiểm tra Viết: 60 phút

I. Viết chính tả (nghe- viết): 2 điểm

Giáo viên đọc cho học sinh viết.

Chiếc áo của ba

Chiếc áo sờn vai của ba dưới bàn tay vén khéo của mẹ đã trở thành cái áo xinh xinh, trông rất oách của tôi . Những đường khâu đều đặn như khâu máy, thoáng nhìn qua khó mà biết được đây chỉ là một cái áo may tay. Hàng khuy thẳng tắp như hàng quân trong đội duyệt binh. Cái cổ áo như hai cái lá non trông thật dễ thương. Mẹ còn may cả cái cầu vai y hệt như cái áo quân phục thực sự. Cái măng – sét ôm khít lấy cổ tay tôi.

II. Tập làm văn: 8 điểm

Đề bài: Hãy tả một người bạn thân của em ở trường.

Đáp án

A. Kiểm tra Đọc

I. Đọc thành tiếng: (3 điểm)

Đánh giá, cho điểm:

- Đọc vừa đủ nghe, rõ ràng; tốc độ đọc đạt yêu cầu: 1 điểm,
- Ngắt nghỉ hơi đúng ở các dấu câu, các cụm từ rõ nghĩa; đọc đúng tiếng, từ (không đọc sai quá 5 tiếng): 1 điểm
- Trả lời đúng câu hỏi về nội dung đoạn đọc: 1 điểm.

II. Đọc hiểu: (7 điểm):

Học sinh dựa vào nội dung bài đọc, chọn câu trả lời đúng và hoàn thành bài tập đạt số điểm như sau:

Câu 1: Học sinh trả lời đúng: (rải truyền đơn) đạt 0,5 điểm

Câu 2: Học sinh khoanh vào ý a đạt 0,5 điểm

Câu 3: Học sinh khoanh vào ý a đạt 0,5 điểm

Câu 4: Học sinh khoanh vào ý b đạt 0,5 điểm

Câu 5: Học sinh khoanh vào ý b đạt 1 điểm

Câu 6: Học sinh trả lời đúng đạt 1 điểm (nguyện vọng và lòng nhiệt thành của một phụ nữ dũng cảm muốn làm việc lớn đóng góp sức mình cho Cách mạng)

Câu 7: Học sinh khoanh vào ý a đạt 0,5 điểm

Câu 8: Học sinh khoanh vào ý b đạt 0,5 điểm

Câu 9: Học sinh trả lời đúng đạt 1 điểm (anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang)

B. Kiểm tra Viết

I. Viết chính tả: 2 điểm

- Bài viết không mắc lỗi chính tả, chữ viết rõ ràng, trình bày sạch đẹp: 2 điểm.
- Mỗi lỗi chính tả trong bài viết(sai phụ âm đầu hoặc vần, thanh; chữ thường, chữ hoa): trừ 0,2 điểm.
- Nếu chữ viết không rõ ràng, sai về độ cao, khoảng cách, kiểu chữ hoặc trình bày dơ bẩn bị trừ 0,2 điểm toàn bài.

II. Tập làm văn: 8 điểm

TT	Điểm thành phần		Mức điểm			
1	Mở bài (1đ)		1	0,75	0,5	0,25
2a	Thân bài(4đ)	Nội dung (1,5đ)	1,5	1	0,5	0,25
2b		Kĩ năng (1,5đ)	1,5	1	0,5	0,25
2c		Cảm xúc (1đ)	1	0,75	0,5	0,25
3	Kết bài (1đ)		1	0,75	0,5	0,25
4	Chữ viết chính tả (0,5đ)		0,5	0,25		
5	Dùng từ đặt câu (0,5đ)		0,5	0,25		
6	Sáng tạo (1đ)		1	0,5		